

| BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO  |            |                  |        | ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ B19KKT |                            |   |     |   |     |   |   |   |     | ĐỢT HỌC |               | 7  |         |
|------------------------|------------|------------------|--------|----------------------------------|----------------------------|---|-----|---|-----|---|---|---|-----|---------|---------------|----|---------|
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN |            |                  |        | TÊN HỌC PHẦN: KIỂM TOÁN NỘI BỘ   |                            |   |     |   |     |   |   |   |     | TÍN CHỈ |               | 2  |         |
| MÃ HỌC PHẦN : AUD353   |            |                  |        |                                  |                            |   |     |   |     |   |   |   |     | LẦN THI |               | 1  |         |
| Ngày thi: 08/05/2015   |            |                  |        |                                  |                            |   |     |   |     |   |   |   |     |         |               |    |         |
| ST<br>T                | MSV        | Họ và tên        |        | Lớp                              | ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%) |   |     |   |     |   |   |   |     |         | ĐIỂM TỔNG KẾT |    | Ghi chú |
|                        |            |                  |        |                                  | A                          | P | Q   | H | L   | M | I | G | F   | SỐ      | CHỮ           |    |         |
|                        |            |                  |        |                                  | 10                         |   | 10  |   | 25  |   |   |   | 55  | 100     |               |    |         |
| 1                      | 1927252866 | Nguyễn Long      | An     | B19KKT                           | 7                          |   | 7   |   | 7   |   |   |   | 6.5 | 6.7     | Sáu phẩy Bảy  |    |         |
| 2                      | 1926252867 | Nguyễn Phan Ngọc | Anh    | B19KKT                           | 0                          |   | 0   |   | 0   |   |   |   | HP  | 0.0     | Không         | HP |         |
| 3                      | 1926252868 | Nguyễn Thị Huyền | Anh    | B19KKT                           | 0                          |   | 0   |   | 0   |   |   |   | HP  | 0.0     | Không         | HP |         |
| 4                      | 1926252869 | Nguyễn Thị Trâm  | Anh    | B19KKT                           | 10                         |   | 8   |   | 7   |   |   |   | 8   | 8.0     | Tám           |    |         |
| 5                      | 1926252871 | Bùi Thị Kim      | Ánh    | B19KKT                           | 9                          |   | 9.5 |   | 8   |   |   |   | 6   | 7.2     | Bảy phẩy Hai  |    |         |
| 6                      | 1927252875 | Trương Quang     | Cường  | B19KKT                           | 10                         |   | 9   |   | 8   |   |   |   | 8.5 | 8.6     | Tám phẩy Sáu  |    |         |
| 7                      | 1927252877 | Ngô Tấn          | Dũng   | B19KKT                           | 8                          |   | 7   |   | 8   |   |   |   | 8.5 | 8.2     | Tám phẩy Hai  |    |         |
| 8                      | 1926252880 | Tạ Thị Thu       | Hằng   | B19KKT                           | 8                          |   | 7   |   | 7   |   |   |   | 7.5 | 7.4     | Bảy phẩy Bốn  |    |         |
| 9                      | 1927252882 | Bùi Thanh        | Hùng   | B19KKT                           | 9                          |   | 9   |   | 8   |   |   |   | 8   | 8.2     | Tám phẩy Hai  |    |         |
| 10                     | 1926252883 | Hồ Thị Hương     | Huyền  | B19KKT                           | 8                          |   | 9   |   | 7   |   |   |   | 7   | 7.3     | Bảy phẩy Ba   |    |         |
| 11                     | 1926252884 | Trần Thị         | Khuyên | B19KKT                           | 9                          |   | 8   |   | 7.5 |   |   |   | 8   | 8.0     | Tám           |    |         |
| 12                     | 1926252885 | Nguyễn Thị       | Liên   | B19KKT                           | 10                         |   | 9   |   | 7   |   |   |   | 8.5 | 8.3     | Tám phẩy Ba   |    |         |
| 13                     | 1926252886 | Phạm Thị         | Liễu   | B19KKT                           | 4                          |   | 7   |   | 7   |   |   |   | 6   | 6.2     | Sáu phẩy Hai  |    |         |
| 14                     | 1926252888 | Nguyễn Thị Công  | Ly     | B19KKT                           | 0                          |   | 0   |   | 0   |   |   |   | HP  | 0.0     | Không         | HP |         |
| 15                     | 1926252890 | Phạm Thị Thảo    | My     | B19KKT                           | 6                          |   | 7   |   | 7   |   |   |   | 7.3 | 7.1     | Bảy phẩy Một  |    |         |
| 16                     | 1926252891 | Nguyễn Thị Thu   | Nguyệt | B19KKT                           | 10                         |   | 9   |   | 7   |   |   |   | 8.5 | 8.3     | Tám phẩy Ba   |    |         |
| 17                     | 1927252892 | Ông Văn          | Quốc   | B19KKT                           | 8                          |   | 7   |   | 7.5 |   |   |   | 8.5 | 8.1     | Tám phẩy Một  |    |         |
| 18                     | 1927252893 | Phạm Thiên       | Thanh  | B19KKT                           | 6                          |   | 7   |   | 7.5 |   |   |   | 4.5 | 5.7     | Năm phẩy Bảy  |    |         |
| 19                     | 1926252895 | Trần Phương      | Thảo   | B19KKT                           | 9                          |   | 9   |   | 8   |   |   |   | 8   | 8.2     | Tám phẩy Hai  |    |         |
| 20                     | 1926252896 | Trương Vũ Bích   | Thảo   | B19KKT                           | 6                          |   | 9   |   | 7.5 |   |   |   | 8.5 | 8.1     | Tám phẩy Một  |    |         |
| 21                     | 1926252899 | Trần Thị Hoài    | Thương | B19KKT                           | 7                          |   | 7   |   | 7.5 |   |   |   | 7.3 | 7.3     | Bảy phẩy Ba   |    |         |
| 22                     | 1927252900 | Mai Phương       | Toàn   | B19KKT                           | 10                         |   | 9   |   | 9   |   |   |   | 7.5 | 8.3     | Tám phẩy Ba   |    |         |
| 23                     | 1926252902 | Đoàn Thị Thu     | Trang  | B19KKT                           | 10                         |   | 8   |   | 7   |   |   |   | 8.5 | 8.2     | Tám phẩy Hai  |    |         |
| 24                     | 1926252903 | Nguyễn Thị Thùy  | Trâm   | B19KKT                           | 10                         |   | 8   |   | 7.5 |   |   |   | 8.5 | 8.4     | Tám phẩy Bốn  |    |         |
| 25                     | 1926252904 | Nguyễn Thị Vy    | Trâm   | B19KKT                           | 6                          |   | 9   |   | 8   |   |   |   | 7   | 7.4     | Bảy phẩy Bốn  |    |         |
| 26                     | 1926262959 | Võ Thị Hoài      | Trâm   | B19KKT                           | 10                         |   | 9   |   | 7   |   |   |   | 7.5 | 7.8     | Bảy phẩy Tám  |    |         |
| 27                     | 1927252968 | Trần Quốc        | Tuấn   | B19KKT                           | 6                          |   | 7   |   | 7   |   |   |   | 6.5 | 6.6     | Sáu phẩy Sáu  |    |         |
| 28                     | 1927252907 | Lê Quang         | Việt   | B19KKT                           | 8                          |   | 9   |   | 7   |   |   |   | 8   | 7.9     | Bảy phẩy Chín |    |         |
| 29                     | 1927252969 | Đỗ Đình          | Vinh   | B19KKT                           | 8                          |   | 7   |   | 7.5 |   |   |   | 8   | 7.8     | Bảy phẩy Tám  |    |         |
| 30                     | 1927252908 | Nguyễn Viết      | Vũ     | B19KKT                           | 0                          |   | 0   |   | 0   |   |   |   | HP  | 0.0     | Không         | HP |         |
| 31                     | 1926262910 | Trần Hải         | Âu     | B19KKT                           | 10                         |   | 10  |   | 8   |   |   |   | 7.5 | 8.1     | Tám phẩy Một  |    |         |
| 32                     | 1926262934 | Nguyễn Thị Kim   | Minh   | B19KKT                           | 8                          |   | 8   |   | 7   |   |   |   | 9.5 | 8.6     | Tám phẩy Sáu  |    |         |
| 33                     | 1926262954 | Trần Thị         | Thúy   | B19KKT                           | 10                         |   | 10  |   | 8   |   |   |   | 9   | 9.0     | Chín          |    |         |

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

| STT         | NỘI DUNG THỐNG KÊ | SL | TỶ LỆ | GHI CHÚ |
|-------------|-------------------|----|-------|---------|
| 1           | Số sinh viên đạt  | 29 | 88%   |         |
| 2           | Số sinh viên nợ   | 4  | 12%   |         |
| TỔNG CỘNG : |                   | 33 | 100%  |         |

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 06 năm 2015

LẬP BẢNG

KIỂM TRA TT ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN & B2

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

Nguyễn Thị Kim Phượng

Phạm Văn Thành

ThS. Hồ Hà Đông

ThS. Nguyễn Ân